

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/DS-ST

Ngày: 11 - 10 - 2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Cương.

Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2018/TLST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2018 và thụ lý bổ sung số 62a/2018/TLST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1962.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T (vợ ông Trần Ngọc V), sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà L có mặt; ông V và bà T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lâm Thị L và các tài liệu chứng cứ đã T thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Lâm Thị L trình bày: Bà L nhiều lần cho ông V vay tiền, có tính tiền lãi nhưng ông V đã trả xong. Vào ngày 09 tháng 9 năm 2016, bà L đã cho ông V vay số tiền 16.000.000 đồng. Mục đích ông V vay tiền của bà L để đáo nợ Ngân hàng nhưng ông V có đáo nợ Ngân hàng hay không thì bà L không biết. Khi bà L giao 16.000.000 đồng cho ông V thì chỉ có ông V viết, ký biên nhận nợ. Khi vay, ông V không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho bà L. Bà L chỉ khởi kiện ông V, không khởi kiện bà T. Bà L yêu cầu ông V phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc 16.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 09 tháng 9 năm 2016 đến ngày 09 tháng 5 năm 2018 với mức lãi suất là 0,75 %/tháng là 16.000.000 đồng x 0,75 %/tháng x 20 tháng = 2.400.000 đồng; tổng cộng gốc, lãi 18.400.000 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến đề nghị của bị đơn – Ông Trần Ngọc V trình bày: Đây là khoản nợ riêng của ông V, không liên quan gì đến bà T vì ông V vay tiền của bà L để chi tiêu cá nhân chứ không sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình ông V và bà T. Khi vay, ông V không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho bà L. Do đó, ông V thừa nhận còn nợ bà L số tiền 16.000.000 đồng nhưng xin bà L cho số tiền vay gốc 16.000.000 đồng và tiền lãi 2.400.000 đồng. Bởi vì, hiện nay ông V không có khả năng trả nợ cho bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Nguyễn Thị T không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, bị đơn là ông V có địa chỉ tại ấp Bắc Chan 1, xã Tuyên Thạnh, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông V, bà T tại phiên tòa: Ông V, bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông V, bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà T là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà L khởi kiện yêu cầu ông V phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc, lãi tổng cộng 18.400.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện qua biên nhận ngày 09 tháng 9 năm 2016 do ông V ký nhận nợ, thừa nhận nợ. Đồng thời, bà L chỉ khởi kiện yêu cầu ông V trả nợ, không khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là chỉ buộc ông V phải thực hiện

nghĩa vụ trả cho bà L số tiền gốc, lãi tổng cộng 18.400.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về đề nghị của ông V xin bà L cho số tiền 16.000.000 đồng: Không được bà L đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông V phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 18.400.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước; bà L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L, buộc ông Trần Ngọc V phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị L số tiền 18.400.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Án phí của vụ án là 920.000 đồng (chín trăm hai mươi nghìn đồng). Buộc ông Trần Ngọc V phải có nghĩa vụ chịu 920.000 đồng (chín trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Hoàn trả lại cho bà Lâm Thị L 460.000 đồng (bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006769 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

